SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG
BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA 27 THÁNG 2

Số: 305/TM-BVCK27/2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ
HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp.

Bệnh viện chuyên khoa 27 tháng 2 tỉnh Sóc Trăng hiện nay đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu Hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế cho Bệnh viện chuyên khoa 27 tháng 2 tỉnh Sóc Trăng năm 2024 - 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Chuyên khoa 27 tháng 2 tỉnh Sóc Trăng, địa chỉ: 504 Lê Hồng Phong, phường 3, thành phố Sóc Trăng.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản giấy gửi trực tiếp hoặc bưu điện tại Khoa Dược - VTTTBYT, Bệnh viện Chuyên khoa 27 tháng 2 tỉnh Sóc Trăng.

- Địa chỉ: 504 Lê Hồng Phong, Phường 3, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Điện thoại: 02993.614.648

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày ra thông báo đến 17 giờ 00 phút ngày 06/9/2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế (*Phụ lục I đính kèm*).

2. Bảng báo giá: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp quan tâm và có khả năng cung cấp, gửi báo giá theo mẫu *(Theo mẫu Phụ lục II đính kèm)*.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KD

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG
BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA 27 THÁNG 2

BSCKII. Hồ Quang Hồng

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ CẦN XIN BÁO GIÁ

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Tăm bông y tế	Đầu bông 5mm, dài 8cm tiệt trùng, Gói 100 que	Gói	30
2	Khí Oxy	Oxy bình 10 lít	Bình	10
3	Kính bảo hộ bảo vệ mắt	Kính trong suốt, nhìn rõ	Cái	6.000
4	Que gòn rái tai, gói	Que đầu lớn; Gói 100 que;	Gói	1.600
5	Bộ xét nghiệm nhanh chẩn đoán giang mai TPHA Syphilis trên mẫu huyết thanh định lượng hoặc bán định lượng	TPHA-Syphilis	Test	200
6	Thủy tinh thể nhân tạo	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, chất liệu kỵ nước hoặc tương đương. - Chất liệu Acrylic hydrophobic, màu vàng - Lọc tia UV, lọc ánh sáng xanh - Chỉ số khúc xạ: từ 1.46 đến 1.56 - Hằng số A: ≥ 118 - Càng kép hoặc L. Góc càng $0^{o} \leq n \leq 2^{o}$ - Đường kính optic: ≥ 6mm và đường kính tổng: ≤13.mm - Sản phẩm kèm cartridge, đặt được qua vết mổ: ≥ 2.2mm - Dãy Diop (dải công suất): +6,0 D≤ n ≤ +40,0 D - Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE - Xuất xứ: G7 hoặc EU	Cái	200

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
7	Thủy tinh thể nhân tạo mềm kèm dụng cụ đặt nhân	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, chất liệu kỵ nước hoặc tương đương - Chất liệu hydrophobic, phi cầu, kéo dài tiêu cự (EDOF) - Lọc tia UV , lọc ánh sáng xanh - Chỉ số khúc xạ 1.46 đến 1.56 - Thiết kế 4 càng, bờ vuông 360 độ - Đường kính optic ≤ 6mm - Chiều dài kính ≤13mm - Dải công suất từ +10D đến +30D - Qua được vết mổ ≥ 2.2mm - Hằng số A ≥118 Kèm theo cartridge + injector sử dụng một lần.	Cái	300
8	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 3 mãnh	Thủy tinh thể mềm đơn tiêu 3 mảnh hoặc tương đương - Chất liệu: Acrylic kỵ nước. - Lọc UV - Hằng số A: ≥118 - Chỉ số khúc xạ: từ 1,46 đến 1,56 - Càng chữ C hoặc L - Góc càng: $0^o \leq n \leq 2^o$ - Đường kính optic ≥5,5mm, chiều dài tổng thể ≥12,5 mm - Dải công suất từ +6.0D đến ≤ +40.0D., bước nhảy 0,5D - Sản phẩm kèm dụng cụ đặt được qua vết mổ: ≥ 2.2mm và dùng 1 lần - Đạt tiêu chuẩn FDA - Xuất xứ: G7 hoặc CE	Cái	300

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
9	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu hoặc đơn tiêu kéo dài tiêu cự, một mảnh, chất liệu không ngậm nước	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu hoặc đơn tiêu kéo dài tiêu cự, một mảnh, chất liệu không ngậm nước. - Chất liệu Hydrophobic Acrylic - Lọc tia UV. - Hằng số A ≥ 118 - Chỉ số khúc xạ: từ 1,46 đến 1,56 - Có tinh năng chống chói lóa (glistening-free) loại bỏ hoàn toàn bọt khí hoặc có tính năng tăng cường tầm nhìn trung gian. - Càng dạng chữ C - Góc càng $0^0 \leq n \leq 2^0$ - Thiết kế Phi cầu - Đường kính optic ≥5,5mm, chiều dài tổng thể ≥12,5 mm - Dải công suất từ 0.0D đến ≤ +34.0D. - Sản phẩm kèm dụng cụ đặt được qua vết mổ: ≥ 2.2mm và dùng 1 lần - Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái	300
10	Thủy tinh thể nhân tạo ba tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba tiêu cự hoặc tương đương - Càng và optic được thiết kế liền một mảnh cùng chất liệu - Chất liệu Acrylate/ Methacrylate Copolymer (Acrylic) kỵ nước (hydrophobic) + chromophore - Màu vàng - Lọc tia cực tím, lọc ánh sáng xanh - Hằng số A: ≥118 - Chỉ số khúc xạ: từ 1,50 đến 1,60 - Càng chữ L - Góc càng $0^0 \leq n \leq 2^0$ - Đường kính optic ≥5,5mm, chiều dài tổng thể ≥12,5 mm - Dải công suất: +6,0 D đến +34,0 D, bước nhảy 0,5D - Sản phẩm kèm dụng cụ đặt được qua vết mổ: ≥ 2.2mm và dùng 1 lần - Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái	20

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
11	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, mở rộng trường ảnh,dải tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, mở rộng trường ảnh,dải tiêu cự hoặc tương đương - Càng và optic được thiết kế liền một mảnh cùng chất liệu - Chất liệu Acrylate/ Methacrylate Copolymer (Acrylic) kỵ nước (hydrophobic) + chromophore - Màu vàng - Lọc tia cực tím, lọc ánh sáng xanh\ - Hằng số A: ≥118 - Càng chữ L - Góc càng $0^o \leq n \leq 2^o$ - Đường kính optic ≥5,5mm, chiều dài tổng thể ≥12,5 mm - Đặt qua vết mổ ≥ 2,2 mm, kèm cartridge - Dải công suất từ +10,0 D đến +30,0 D, bước nhảy 0,5D - Sản phẩm kèm dụng cụ đặt được qua vết mổ: ≥ 2.2mm và dùng 1 lần - Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái	20
Máy xét nghiệm huyết học tự động Model: Mythic 22 Hãng chủ sở hữu/xuất xứ: Orphee/ BIT Analytical Instruments GmbH/Đức				
1	IIVD pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	*Dung dịch đẳng trương dùng để pha loãng mẫu máu trước khi xét nghiệm và để duy trì môi trường thích hợp trong quá trình xét nghiệm trên máy phân tích huyết học. Dùng kèm với hóa chất ly giải, dung dịch rửa. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: -2-phenoxyethanol0.022% - Đệm - Natriclorua - Kaliclorua - EDTA - Chất ổn định - Chất tẩy rửa Quy cách :10 lít/hộp	ml	140.000

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
2	IVD ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	*Dùng để ly giải hồng cầu để giải phóng hemoglobin để cho phép xét nghiệm hemoglobin xa hơn trên các máy phân tích huyết học. Nó có thể phá vỡ màng tế bào của hồng cầu và giải phóng các chất trong tế bào để chuẩn bị cho quá trình phân tích tiếp theo. Dùng kèm với dung dịch rửa, diluent. *Chứa các chất hoạt động bề mặt có tác dụng ly giải các tế bào hồng cầu và các chất bảo vệ bạch cầu giúp bảo vệ trạng thái của bạch cầu để cho phép sự biệt hóa các thành phần bạch cầu. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Muối kiềm - Hệ thống đệm - Hỗn hợp của chất tẩy rửa ion (amoni bậc bốn) và không ion - Chất chelating hemoglobin - Chất bảo quản và các yếu tố bảo vệ bạch cầu Quy cách :500 ml/chai	ml	3.500
3	IVD rửa dùng cho máy huyết học	*Dung dịch dùng để loại bỏ các chất còn sót lại của vật liệu sinh học khỏi hệ thống đo lường của máy phân tích huyết học. Dùng kèm với hóa chất ly giải, diluent. *Chứa chất hoạt động bề mặt và một enzyme có thể hòa tan và loại bỏ các hạt hữu cơ lớn. *Các thành phần hoạt động của hóa chất: - Chất tẩy rửa: 0.17% - Savinase: 0.23% - Đệm - Natri clorua - Chất bảo quản - Chất ổn định Quy cách :1 lít/chai	ml	5.000

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
4	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm huyết học	* Hóa chất kiểm chuẩn 3 mức cho máy xét nghiệm huyết học tự động hoặc bán tự động dùng nguyên lý trở kháng. * Thành phần: erythrocyte người, leukocytes và tiểu cầu động vật có vú trong môi trường giống huyết tương cùng chất bảo quản. Quy cách :2 x 3 ml (L), 2 x 3 ml (N), 2 x 3 ml (H)	ml	36
Máy xét nghiệm nước tiểu tự động Model: Aution Eleven AE-4020 Hãng sản xuất/xuất xứ: Arkray/ Philippines				
1	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu PU-4010, AE-4020 và AX-4060 của hãng Arkray Quy cách :100 test/hộp	Test	2.400
Máy xét nghiệm sinh hóa tự động Model: Selectra Mach 5 Hãng sản xuất/xuất xứ: Elitech/Hà lan				
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT	* Hoá chất chẩn đoán in vitro này dùng để xác định định lượng alanin aminotransferase (ALT) trong mẫu huyết thanh và huyết tương người trên máy phân tích dòng Selectra Mach. * Quy cách: R1: 4x85ml + R2: 4x26ml * Dải đo: 10-450 U/L * Thành phần gồm: - Hóa chất 1: R1 Tris buffer, pH 7.50 (30°C) ,L-alanine: 680 mmol/L, LDH: ≥2000 U/L, Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng - Hóa chất 2: R2 Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L, NADH: 1,1 mmol/L, Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng R1: 4x85ml + R2: 4x26ml	ml	1.776

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT	* Hóa chất chẩn đoán in vitro này dùng để xác định định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong mẫu huyết thanh và huyết tương người trên máy phân tích dòng Selectra Mach * Quy cách: R1 : 4 x 85 mL, R2 : 4 x 26 mL * Dải đo: 10.0 - 450.0 U/L (0.17-7.50 µkat/L) * Thành phần: Hóa chất 1: R1 Tris buffer, pH 7.80 (30°C), L-Aspartate: 330 mmol/L LDH ≥ 2000 U/L MDH ≥ 1000 U/L Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/khối lượng) Hóa chất 2: R2 α-Ketoglutarate: 78 mmol/L, NADH: 1.1 mmol/L, Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/khối lượng) R1 : 4 x 85 mL R2 : 4 x 26 mL	ml	1.776
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Direct Bilirubin	* Hoá chất chẩn đoán in vitro này dùng để xác định định lượng direct bilirubin trong mẫu huyết thanh và huyết tương người trên máy phân tích dòng Selectra Mach. * Quy cách: R1 : 4 x 26 mL, R2 : 4 x 8 mL * Dải đo: 0.08 - 10.50 mg/dL (1.4 - 179.6 µmol/L) * Thành phần Hóa chất 1: R1 Sulphanilic acid: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 Sodium nitrite: 11 mmol/L R1 : 4 x 26 mL + R2 : 4 x 8 mL	ml	136

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Total Bilirubin	* Hóa chất chẩn đoán in vitro này dùng để xác định định lượng total bilirubin trong mẫu huyết thanh và huyết tương người ở người lớn và trẻ em trên 10 ngày trên máy phân tích dòng Selectra Mach. * Quy cách: R1 : 4 x 26 mL R2 : 4 x 8 mL * Dải đo: 0.25 - 25.00 mg/dL (4.3 - 427.6 µmol/L) * Thành phần: Hóa chất 1: R1 Sulphanilic acid: 29 mmol/L Cetrimide: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 Sodium nitrite: 11 mmol/L R1 : 4 x 26 mL R2 : 4 x 8 mL	ml	136
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Calcium	* Hóa chất chẩn đoán in vitro này dùng để xác định định lượng canxi tổng trong các mẫu huyết thanh, huyết tương và nước tiểu của người trên máy phân tích dòng Selectra Mach. * Quy cách: R : 4 x 25 mL * Dải đo: Huyết thanh/Huyết tương: 5.00-15.00 mg/dL (1.25-3.74 mmol/L) Nước tiểu: 1.50-18.00 mg/dL (0.37-4.49 mmol/L) * Thành phần Hóa chất: R Good's Buffer, pH 6.5 (20-25°C) Arsenazo III 200 µmol/L	ml	100

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng total Cholesterol	* Hóa chất chẩn đoán in vitro này dùng để xác định định lượng total cholesterol trong mẫu huyết thanh và huyết tương người trên máy phân tích dòng Selectra Mach. * Quy cách: R : 6 x 90 mL * Dải đo: 20-600 mg/dL (0.52-15.52 mmol/L) * Thành phần Hóa chất: R Good's buffer, pH 6.7 Phenol: 24 mmol/L 4-Aminoantipyrine: 0.5 mmol/L Cholesterol esterase ≥ 180 U/L Cholesterol oxidase ≥ 200 U/L Peroxidase ≥ 1 000 U/L Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/khối lượng) Đồng thời chứa chất hoạt động bề mặt và muối magiê để có hiệu suất tối ưu.	ml	1.080
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	* Hóa chất chẩn đoán in vitro này dùng để xác định định lượng HDL cholesterol trong các mẫu huyết thanh và huyết tương người trên máy phân tích dòng Selectra Mach. * Quy cách: R1 : 3 x 22 mL, R2 : 1 x 24 mL * Dải đo: 5 - 200 mg/dL (0.13 - 5.17 mmol/L) * Thành phần: - Hóa chất 1: R1 Buffer, pH 6.85, N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS)≥ 0.5 mmol/L, Peroxidase ≥ 8 000 U/L Các hợp chất phospho vô cơ và hữu cơ - Hóa chất 2: R2 Buffer, pH 8.15, Cholesterol Oxidase ≥ 2 000 U/L,Cholesterol Esterase ≥ 180 U/L, Peroxidase ≥ 15 000 U/L, 4-aminoantipyrine ≥ 2 mmol/L, Chất hoạt động bề mặt 0.6 %, Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/khối lượng) Cũng chứa ascorbate oxidase để đạt hiệu quả tối ưu.	ml	180

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	* Hóa chất chẩn đoán in vitro này dùng để xác định định lượng creatinine trong các mẫu huyết thanh, huyết tương và nước tiểu của người trên máy phân tích dòng Selectra Mach. * Quy cách: R1 : 4 x 69 mL, R2 : 4 x 26 mL * Dải đo: - Huyết thanh/Huyết tương: 0.25 - 30.00 mg/dL (22 - 2 652 µmol/L) - Nước tiểu: 5 - 450 mg/dL (0.4 - 39.8 mmol/L) * Thành phần: - Hóa chất 1: R1 Good's buffer, pH 7.5, EHSPT: 0.4 mmol/L, Creatinase ≥ 10 000 U/L, Sarcosine Oxidase ≥ 3 500 U/L - Hóa chất 2: R2 Good's buffer, pH 7.5, Amino-4-Antipyrine: 2.95 mmol/L, Creatininase ≥ 150 000 U/L, Peroxidase ≥ 4 000 U/L, Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/khối lượng)	ml	1.140
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT	* Hóa chất chẩn đoán in vitro này dùng để xác định định lượng gammaglutamyltransferase (γ-GT) trong mẫu huyết thanh và huyết tương người trên máy phân tích dòng Selectra Mach. * Quy cách: R1 : 2 x 26 mL, R2 : 2 x 8 mL * Dải đo: 15.0 - 1 200.0 U/L (0.25-20.00 µkat/L) * Thành phần Hóa chất 1: R1 Glycylglycine, pH 7.70 (37 °C): 138 mmol/L, Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/khối lượng) Hóa chất 2: R2 GLUPA-C: 23 mmol/L, Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/khối lượng)	ml	204
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	* Hóa chất chẩn đoán in vitro này dùng để xác định định lượng glucose trong các mẫu huyết thanh và huyết tương người trên máy phân tích dòng Selectra Mach. * Quy cách: R : 6 x 90 mL * Dải đo: 20.0- 400.0 mg/dL (1.11-22.20 mmol/L) * Thành phần: Hóa chất: R Phosphate buffer, pH 7.4, Phenol: 10 mmol/L, 4-Aminoantipyrine: 0.3 mmol/L, Glucose Oxidase ≥ 10 000 U/L, Peroxidase ≥ 700 U/L, Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/khối lượng)	ml	2.160

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Total Protein	* Hóa chất chẩn đoán in vitro này dùng để xác định định lượng protein toàn phần (total protein) trong mẫu huyết thanh và huyết tương người trên máy phân tích Dòng Selectra Mach. * Quy cách: R : 8 x 25 mL * Dải đo: 0.20 - 12.00 g/dL (2.0 - 120.0 g/L) * Thành phần Hóa chất: R Copper sulfate: 6 mmol/L, Sodium hydroxide: 490 mmol/L Ngoài ra còn chứa các muối iodide và tartrate để đạt hiệu quả tối ưu.	ml	200
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglyceride trong các mẫu huyết thanh và huyết tương người trên máy phân tích dòng Selectra Mach; quy cách: R : 6 x 90 mL ; dải đo: 30 - 1000 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất : R -Good's buffer, pH 7.0 -p-Chlorophenol 2.7 mmol/L -ATP 3.15 mmol/L -Amino-4-antipyrine 0.31 mmol/L -Lipoprotein lipase ≥ 2 000 U/L -Glycerol kinase ≥ 500 U/L -Glycerol-3-phosphate oxidase ≥ 4000 U/L -Peroxidase ≥ 500 U/L -Sodium azide < 0.1 % (w/w) -Cũng chứa muối magiê, FAD và chất hoạt động bề mặt để có hiệu suất tối ưu	ml	1.080

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
13	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong các mẫu huyết thanh và huyết tương, nước tiểu người trên máy phân tích dòng Selectra Mach; quy cách: R1 : 8 x 25 mL + R2 : 8 x 8 mL; Dải đo: -Huyết thanh/huyết tương: 10.0 - 300.0 mg/dL -Nước tiểu: 200-4500 mg/ dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.60 (37 °C) -α-Ketoglutarate 9 mmol/L -Urease ≥ 8 100 U/L -GIDH ≥ 1 350 U/L -Sodium azide < 0.1 % (w/w) Hóa chất 2: R2 -NADH 1.3 mmol/L -Sodium azide < 0.1 % (w/w)	ml	792
14	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Uric Acid	Hóa chất xét nghiệm định lượng axit uric trong các mẫu huyết thanh và huyết tương, nước tiểu người trên máy phân tích dòng Selectra Mach; quy cách: R : 8 x 25 mL; Dải đo: -Huyết thanh/huyết tương: 2.00 - 25.00 mg/dL -Nước tiểu: 5.0 - 250.0 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất : R - Buffer pH 7.00 (20-25°C) - EHSPT 0.72 mmol/L - Amino-4-antipyrine 0.37 mmol/L - Uricase ≥ 150 U/L - Peroxidase ≥ 12 000 U/L - Sodium azide < 0.1 % (w/w)	ml	200

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
15	Dung dịch rửa	Dung dịch dùng để rửa máy phân tích Dòng Selectra Mach Thành phần: - Dung dịch axit (pH 1,7)	ml	1.248
16	Dung dịch rửa	Dung dịch dùng để rửa máy phân tích Dòng Selectra Mach Thành phần: - Dung dịch natri hypoclorit kiềm	ml	624
17	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa kim và cuvet của máy phân tích dòng Selectra Thành phần: - Sodium azide < 0.1 %(W/W) - Cũng chứa chất hoạt động bề mặt	ml	3.000
18	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số sinh hoá	Hoá chất hiệu chuẩn các xét nghiệm định lượng của Hệ thống lâm sàng ELITech được liệt kê trong bảng giá trị; Quy cách: 4 x 3 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/khối lượng) - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.	ml	24
19	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số sinh hoá	Hoá chất kiểm soát chất lượng việc thực hiện các xét nghiệm định lượng của Hệ thống lâm sàng ELITech được liệt kê trong bảng giá trị. Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Sản phẩm đông khô được bào chế từ huyết thanh người có sử dụng chất phụ gia hóa học và sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.	ml	200

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
20	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số sinh hoá	Hoá chất kiểm soát chất lượng việc thực hiện các xét nghiệm định lượng của Hệ thống lâm sàng ELITech được liệt kê trong bảng giá trị. Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Sản phẩm đông khô được bào chế từ huyết thanh người có sử dụng chất phụ gia hóa học và sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.	ml	200
Máy xét nghiệm đông máu tự động Model: HumaClot Pro Hãng sản xuất/xuất xứ: Human/ Đức				
1	Thuốc thử xét nghiệm Prothrombin Time	Hóa chất HEMOSTAT THROMBOPLASTIN-SI (PT-SI) dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường dông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl2, Sodium azide < 0,01% Độ ổn định: 12 ngày ở 2-8°C, 1 ngày ở 20-25°C.	ml	60
2	Thuốc thử xét nghiệm APTT	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất 1 (6x4ml): Hóa chất aPTT-EL: Cephalin não thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; - Hóa chất 2 (6x4ml): Dung dịch CaCl2 0,02 mol/l, sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định. Độ ổn định 14 ngày ở 2-8°C, 7 ngày ở 20-25°C.	ml	48

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: huyết tương người, sodium azide < 0,01%. Khi được bảo quản ở 2-8 °C, lọ chưa mở sẽ ổn định cho đến hết hạn sử dụng. Sau hoàn nguyên hóa chất ổn định 7 ngày ở 2-8°C.	ml	10
4	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm đông máu mức bình thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% .	ml	6
5	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm đông máu mức bất thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% .	ml	6
6	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động HumaClot Pro	cái	500
7	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Dung dịch Wash Solution dùng để làm sạch kim hút nhằm ngăn ngừa nhiễm chéo trên máy HumaClot Pro. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần của Wash Solution: - Buffered Salt Solution - Imidazole 0.1mol/l - HCl 0.1mol/l - Detergent 0.02%	ml	75

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
8	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Dung dịch HumaClot Pro - Cleaner dùng để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thải, kim hút và bơm chất thải của máy phân tích đông máu HumaClot Pro, làm giảm nguy cơ lây nhiễm vật liệu sinh học. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần: Aqueous Solution	ml	75
Hệ thống phân tích Hemoglobin tự động Model: D-10 Hãng sản xuất/xuất xứ: Bio-rad/ Singapore				
1	Bộ thuốc thử định lượng Hemoglobin	*Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng hemoglobin A1c (mmol/mol theo IFCC và % theo NGSP) ở máu toàn phần của người bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) trao đổi ion trên D 10 Hemoglobin Testing System. *Bộ Thuốc thử bao gồm các vật tư cho 400 xét nghiệm: - 2 bộ Dung Dịch Đệm Rửa Giải 1. Mỗi chai chứa 2.000 mL dung dịch đệm Bis-Tris/Phosphate. Có chứa chất bảo quản natri azit < 0,05%. - 1 bộ Dung Dịch Đệm Rửa Giải 2. Mỗi chai chứa 1.000 mL dung dịch đệm Bis-Tris/Phosphate. Có chứa chất bảo quản natri azit < 0,05%. - 1 bộ Dung Dịch Rửa/Pha Loãng. Mỗi chai chứa 1.600 mL nước khử ion chứa chất bảo quản natri azit < 0,05%. - 1 Hộp Phân Tích. Hộp trao đổi cation (400 xét nghiệm), 4,0 mm ID x 40 mm. - Đĩa Mềm có thông số chương trình "Cập Nhật Bộ Thuốc thử" D 10 Hemoglobin A1c. - CD-ROM có thông số chương trình "Cập Nhật Bộ Thuốc thử" D 10 Hemoglobin A1c. - Bộ Chất Hiệu Chuẩn/Chất Pha Loãng: gồm 3 lọ chất hiệu chuẩn mức 1, 3 lọ chất hiệu chuẩn mức 2 và 1 lọ chất pha loãng. Các lọ chất hiệu chuẩn có chứa dịch máu tan của hồng cầu người ở dạng đông khô với gentamicin, tobramycin và EDTA làm chất bảo quản. Lọ pha loãng chất hiệu chuẩn chứa 100 mL nước khử ion chứa chất bảo quản natri azit <0.05% - Chất Mồi Máu Toàn Phần. Mỗi lọ chứa dịch máu tan của hồng cầu người ở dạng đông khô với gentamicin, tobramycin và EDTA làm chất bảo quản. - Lọ Mẫu. 50 lọ micro bằng polypropylene có nắp chọc, 1,5 mL. - 1 cuộn giấy in nhiệt. * Phạm vi báo cáo: - % HbA1c theo NGSP: 3.9 - 18.8 - mmol/mol HbA1c theo IFCC: 19 -182	ml	4.600

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
2	Vật liệu kiểm soát mức 1, mức 2 xét nghiệm định lượng Hemoglobin (Total Glycated), Hemoglobin (Total), Hemoglobin A1, Hemoglobin A1C, Hemoglobin F	* Hóa chất kiểm soát chất lượng được sử dụng trong xác định định lượng HbA1c. Hai mức độ Quy cách: Control L: 3 x 0.5 mL; Control H: 3 x 0.5 mL Thành phần: - Sản phẩm dạng đông khô được chuẩn bị từ máu toàn phần người.	ml	3
Máy phân tích huyết học tự động 22 thông số so với 3 thành phần bạch cầu Model: ADIVA@360 Hãng sản xuất/xuất xứ: Siemens/ Đức				
1	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích huyết học Diluent	Thành phần: Natri clorua, Chất đệm, Chất bảo quản, Chất ổn định, Nước không có ion Thùng 20 lít	Thùng	72
2	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích huyết học Lyse	Thành phần: Chất hoạt động bề mặt, Bộ đệm, Chất bảo quản, Chất ổn định, Nước không có ion. Chai 1 lít	Chai	36
3	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích huyết học Cleaner	Thành phần: Chất tẩy rửa, Chất đệm, Chất bảo quản, Chất ổn định, Nước không có ion. Chai 1 lít	Chai	24
4	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích huyết học Hypoclean tubing Hematology Cons	Thành phần: Chất tẩy rửa, Natri hypoclorit, Natri hydroxit, Chất ổn định, Nước không có ion. Chai 1 lít	Chai	4
5	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích huyết học Hard clean Hematology Cons	Thành phần: Chất tẩy rửa, Natri hypoclorit, Natri hydroxit, Chất ổn định, Nước không có ion. Lọ 100ml	Lọ	4
6	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích huyết học Calibrator Hematology	Hiệu chuẩn máy phân tích huyết học. Hộp 2x3ml	Hộp	7
7	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích huyết học Hematology Control 3-Level	QC dùng cho Máy huyết học ADVIA 360. Hộp 3x3ml	Hộp	10

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng
Máy xét nghiệm HBA1C Model: Quo-Lab Hãng sản xuất/xuất xứ: EKF Diagnostic GmbH/Đức				
1	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm HbA1C	Thành phần 1 kit test: Ammonium Chloride, Sodium, Deoxycholate Monohydrate, Sodium Azide: hàm lượng phù hợp Nước, Boronate conjugate. Hộp 50 Test	Test	1.200
2	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm HbA1C	Nội kiểm HbA1c. Level 1: 2x0,25ml, Level 2: 2x0,25ml	Hộp	3

PHỤ LỤC 02

Tên đơn vị cung cấp
Địa chỉ:.....
Số điện thoại:.....
Số báo giá:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý bệnh viện

Căn cứ thông báo mời báo giá của đơn vị và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý bệnh viện bản báo giá các hàng hóa như sau:

Phần yêu cầu của Bệnh viện				Công ty báo giá							
STT	Tên hàng hoá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Đơn vị tính	STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách	Hãng sản xuất, nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá đã bao gồm VAT (VNĐ)	Ghi chú

Báo giá đã bao gồm: Thuế VAT, chi phí vận chuyển v.v…

Bảng báo giá có hiệu lực **90** ngày kể từ ngày 06/9/2024, Điều kiện thanh toán (nếu có); thời gian giao hàng 72 giờ kể từ lúc nhận đơn hàng; và các điều kiện khác v.v…

….., ngày tháng năm 2024
Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)